

Bản án số: 19/2021/KDTM-ST

Ngày: 13-5-2021

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Năm.

2. Bà Thái Thục Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 21/2017/TLST-KDTM ngày 03 tháng 8 năm 2017 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-KDTM ngày 17 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2021/QĐST-KDTM ngày 13/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ Phần HM; Địa chỉ: 3/27 Quốc lộ 22, thị trấn HM, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Quốc N, sinh năm 1983; Địa chỉ: Chung cư Lê Thanh Tân Tạo, đường Hồ Văn Long, phường TT, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh theo Văn bản ủy quyền ngày 20/9/2017 (Có mặt).

Bị đơn: Công ty Cổ Phần S; Địa chỉ: 13 Lô 23 Phạm Thế Hiển, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Dương Ngọc Th; Địa chỉ: Lô E2 số 63 Dự án tắm biển, phường VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ Phần HM do ông Phan Quốc N là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Phía nguyên đơn là Công ty Cổ Phần HM và bị đơn Công ty Cổ Phần S đã ký với nhau các hợp đồng 01/CT/HĐTT-2013 ngày 01/3/2013 thoả thuận về tiêu thụ sản phẩm với các nội dung sau:

Về sản phẩm: Công ty Cổ Phần HM bán cho Công ty Cổ Phần S sản phẩm của Công ty Cổ Phần HM theo bao bì, mẫu mã thiết kế riêng cho Công ty Cổ Phần S.

Về hạn thanh toán nợ: Công ty Cổ Phần HM cho Công ty Cổ Phần S nợ 90 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn.

Về phạt vi phạm do chậm thanh toán: Nếu Công ty Cổ Phần S không thanh toán tiền thì Công ty Cổ Phần HM sẽ phạt vi phạm ở mức 0,03%/ngày.

Tính đến ngày 21 tháng 09 năm 2016, Công ty Cổ Phần S còn nợ Công ty Cổ Phần HM số tiền: 1.053.462.650 (Một tỷ không trăm năm mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi) đồng, có giấy đối chiếu công nợ vào ngày 21/9/2016.

Ngày 16 tháng 12 năm 2016, ông Dương Ngọc Th thay Công ty Cổ Phần S trả cho Công ty Cổ Phần HM 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu) đồng. Kể từ ngày này (16/12/2016) Công ty Cổ Phần S còn nợ Công ty Cổ Phần HM 06 hoá đơn quá hạn tổng trị giá: 968.462.650 (Chín trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi) đồng.

Từ đó đến nay, Công ty Cổ Phần HM nhiều lần cử nhân viên đến thu nợ nhưng Công ty Cổ Phần S không trả cho Công ty Cổ Phần HM thêm khoản nợ nào. Nguyên đơn yêu cầu Công ty Cổ Phần S trả số tiền phạt vi phạm là $968.462.650 \text{ đồng} \times 0,03\% \times 1590 \text{ ngày} = 461.956.684 \text{ đồng}$. Tuy nhiên ngày 06/5/2021 nguyên đơn có thay đổi yêu cầu. Nguyên đơn yêu cầu Công ty Cổ Phần S trả số tiền phạt vi phạm là: $968.462.650 \text{ (Chín trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi) đồng} \times 8\% = 77.477.012 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị Toà án nhân dân Quận 8 Thành Phố Hồ Chí Minh xem xét, giải quyết và buộc Công ty Cổ Phần S trả cho Công ty Cổ Phần HM số tiền: 968.462.650 đồng (Chín trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi đồng). Ngoài việc buộc Công ty Cổ Phần S trả số tiền trên thì Công ty Cổ Phần S phải trả cho Công ty Cổ Phần HM số tiền phạt vi phạm ở mức 8%, cụ thể là 77.477.012 đồng. Tổng cộng số tiền là: 1.045.939.662 (Một tỷ không trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi hai) đồng.

Công ty Cổ Phần HM không yêu cầu Công ty Cổ Phần S tính lãi suất đối với số tiền chậm trả.

- Nguyên đơn xác định đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án riêng bị đơn vắng mặt nên không thể cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- Nguyên đơn không bổ sung tài liệu, chứng cứ; không yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ; không yêu cầu Tòa án triệu tập đương sự khác, người làm chứng và người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty Cổ Phần HM.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả số tiền mua sản phẩm còn nợ theo hợp đồng mua bán các bên đã ký kết và tiền phạt vi phạm hợp đồng, nên đây là tranh chấp về “Hợp đồng mua bán hàng hóa”. Do bị đơn có trụ sở tại địa chỉ 13 Lô 23 Phạm Thế Hiển, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, nên đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại, và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Công ty Cổ Phần S đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên Tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lí do. Căn cứ vào Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về các yêu cầu về tranh chấp của đương sự:

Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự có đủ cơ sở xác định Hợp đồng số 01/CT/HĐTT-2013 ngày 01/3/2013 thỏa thuận về tiêu thụ sản phẩm đã ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn đảm bảo về mặt hình thức và phù hợp với quy định của pháp luật, do đó được công nhận và có giá trị hiệu lực ràng buộc các bên.

Căn cứ vào Biên bản đối chiếu công nợ ngày 21/9/2016 thực hiện giữa Công ty Cổ Phần HM và Công ty Cổ Phần S cho thấy Công ty Cổ phần S đã xác nhận có nợ Công ty Cổ Phần HM số tiền là 1.053.462.650 (Một tỷ không trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi hai) đồng và theo lời trình bày của Công ty Cổ Phần HM thì ngày 16/12/2016 đã trả được số tiền là 85.000.000 đồng. Hiện tại số tiền còn nợ là 968.462.650 (Chín trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi) đồng. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn đòi số tiền 968.462.650 đồng (Chín trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi) đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng của nguyên đơn:

Căn cứ Điều 300, Điều 301 Luật Thương mại 2005 quy định như sau:

Điều 300: “*Phạt vi phạm là việc bên bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm trả một khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng nếu trong hợp đồng có thỏa thuận, trừ các trường hợp miễn trách nhiệm quy định tại Điều 294 của Luật này.*”.

Điều 301: “*Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, trừ trường hợp quy định tại Điều 266 của Luật này.*”.

Ngày 06/5/2021, nguyên đơn thay đổi yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền phạt vi phạm với mức 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, cụ thể: 968.462.650 (Chín trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi) đồng x 8% = 77.477.012 đồng. Do mức phạt vi phạm này không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và mức phạt vi phạm tối đa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tổng cộng Công ty Cổ Phần S phải trả cho Công ty Cổ Phần HM số tiền 1.045.939.662 (Một tỷ không trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi hai) đồng, trong đó: tiền nợ theo hợp đồng là 968.462.650 (Chín trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi) đồng + số tiền

phạt vi phạm là 77.477.012 (Bảy mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm mười hai) đồng , thanh toán một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty Cổ Phần HM không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 24; Điều 50; Điều 300 và Điều 301 Luật Thương mại 2005;
- Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Vắng mặt đối với Công ty Cổ Phần S.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ Phần HM.

Buộc Công ty Cổ Phần S phải trả cho Công ty Cổ Phần HM số tiền 1.045.939.662 (Một tỷ không trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm sáu mươi hai) đồng, trong đó: tiền nợ theo hợp đồng là 968.462.650 (Chín trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm năm mươi) đồng + số tiền phạt vi phạm là 77.477.012 (Bảy mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm mười hai) đồng. Phương thức thanh toán: một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ Phần S phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 43.378.190 (Bốn mươi ba triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn một trăm chín mươi) đồng. Nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Công ty Cổ Phần HM không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.703.000 (hai mươi ba triệu bảy trăm lẻ ba nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0013146 ngày 02/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ Phần HM.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q8;
- Chi cục THADS Q8;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phúc